

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2023/DS-PT.
Ngày: 27 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- *Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2023/TLPT-DS, ngày 19/10/2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 255/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Số C, đường B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Phấn K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số C, đường N, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư ông Hồ Chí B – Công ty L, chi nhánh S1. Địa chỉ: Số C, đường N, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Thạch Quách S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số D, đường H, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đắc T1**, sinh năm 1991. Địa chỉ: **Ấp C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt)

2. Bà **Lâm Mỹ H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: **Số D H, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **Số B, đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt)

3. Ông **Kiều Công D**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Hữu H1**, sinh năm 1968. Địa chỉ: **Số A, đường C, Quận N, Thành phố Cần Thơ**. (vắng mặt)

2. **Công ty TNHH B1**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **M, I – C**. Địa chỉ: **Lầu F, số D, đường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Dương Phần K** và bị đơn bà **Lâm Mỹ H** kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn trình bày: Vào ngày 15/06/2022, ông **Nguyễn Hữu H1** (là tài xế chạy thuê xe hợp đồng cho ông **Nguyễn T**) điều khiển xe ô tô tải mang biển kiểm soát 61C-300.71 (hiệu ISUZU QKR55F, đời năm 2017) do ông **Nguyễn T** là chủ sở hữu xe, lưu thông trên tỉnh lộ 932 theo hướng từ **thị trấn K, huyện K đi thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. Khi xe ô tô tải của tài xế **H1** điều khiển lưu thông đến đoạn đường thuộc **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng** thì xảy ra tai nạn, do va chạm với xe tải mang biển kiểm soát 83C-03.952 do ông **Kiều Công D** điều khiển chạy theo hướng ngược lại. Nguyên nhân vụ tai nạn là do ông **D** chạy lấn qua làn xe lưu thông của xe ông **T** dẫn đến va chạm, hậu quả làm xe ông **T** hư hỏng nặng phần đầu xe. Sau khi xảy ra tai nạn, ông **D** cùng chủ xe là ông **Thạch Quách S** đã liên hệ với ông **T** đề nghị thỏa thuận dân sự mà không xử lý vụ việc theo quy định. Khi thỏa thuận, ông **Kiều Công D** và ông **Thạch Quách S** đồng ý bồi thường tiền sửa chữa xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-300.71 cho ông **Nguyễn T** như hiện trạng ban đầu, biên bản thỏa thuận được lập tại **Công An xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng**. Sau khi thỏa thuận xe của ông **Nguyễn T** được đưa về **Công ty TNHH T3**, địa chỉ **số E Quốc Lộ A, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng** để sửa chữa. Khi nhận xe **Công ty T3** đã tiến hành kiểm tra và báo giá các

mục phụ tùng cần thay thế và chi phí sửa chữa, tại bảng báo giá ngày 22/06/2022 với tổng chi phí sửa chữa xe là 153.742.209 đồng. Tuy nhiên, khi nhận được bảng báo giá nêu trên phía bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** và ông **Kiều Công D** không đồng ý thanh toán chi phí sửa chữa xe như thỏa thuận hai bên nêu trên.

Từ thời điểm xảy ra tai nạn đến nay đã hơn 01 năm, xe ô tô tải của ông **Nguyễn T** hiện vẫn nằm tại xưởng sửa chữa xe **Công ty TNHH T3** vì chi phí sửa chữa xe chưa được thanh toán. Đồng thời, xe ô tô tải nêu trên của ông **Nguyễn T** sử dụng vào mục đích kinh doanh vận tải, với thu nhập trung bình hàng tháng là 53.133.023 đồng. Việc các bị đơn ông **D**, ông **S**, bà **H** không đồng ý thanh toán tiền chi phí sửa xe ô tô tải nêu trên cho ông **T** từ khi xảy ra vụ tai nạn cho đến hiện nay làm gây thiệt hại cho ông **Nguyễn T**, đã vi phạm thỏa thuận về bồi thường thiệt hại dân sự giữa hai bên, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Nguyễn T**. Vì vậy, nay nguyên đơn ông **Nguyễn T** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xem xét, giải quyết:

Buộc các bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** và ông **Kiều Công D** có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông **Nguyễn T** số tiền sửa chữa xe tải mang biển kiểm soát 61C-300.71 (hiệu ISUZU QKR55F, đời năm 2017) là 153.742.209 đồng (một trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm lẻ chín đồng) và bồi thường thiệt hại về thu nhập (lợi nhuận), do xe ô tô tải nêu trên của ông **Nguyễn T** không được sửa chữa kịp thời để vận hành từ ngày 15/06/2022 cho đến khi xét xử xong vụ án với mức mất thu nhập là 53.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, sau khi ông **Nguyễn T** tính toán trừ chi phí vận tải, tiền dầu, tiền công thuê tài xế xe....thì hàng tháng ông **Nguyễn T** còn lại thu nhập của xe ô tô tải nêu trên mỗi tháng bình quân là 25.000.000 đồng, nên tại phiên tòa phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường khoản thiệt hại bị mất thu nhập là 25.000.000 đồng/tháng, tương ứng tính 13 tháng tròn (Từ ngày 15/6/2022 cho đến nay) với tổng số tiền là 325.000.000 đồng.

*Theo đơn yêu cầu phản tố (độc lập) ngày 08/12/2022 của bà **Lâm Mỹ H**; Tờ Tờ trình ngày 08/12/2022 của ông **Thạch Quách S** và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông **Trần Hoàng Đ1**, ông **Lê Đắc Thành đ** trình bày ý kiến: Vợ chồng ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** là chủ sở hữu xe ô tô tải, biển kiểm soát 83C - 039.52, nhưng xe do bà **H** đứng tên giấy đăng ký xe. Vào ngày 15/6/2022, bà **H** có giao xe cho tài xế **Kiều Công D** điều khiển để chở hàng hóa trên tuyến **đường I, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng** thì xảy ra tai nạn, va chạm với xe ô tô tải*

biển kiểm soát 61C-300.71 do tài xế ông Nguyễn Hữu H1 điều khiển, hậu quả làm phần đầu 02 xe ô tô tải bị hư hỏng. Do vụ tai nạn giữa hai xe chưa xác định được lỗi về ai, nên phía bà H đề nghị Cảnh sát giao thông huyện C xử lý theo quy định nhưng do tài xế ông Kiều Công D với tài xế ông Nguyễn Hữu H1 tự thỏa thuận, ký “Tờ cam kết về tự nguyện thỏa thuận khắc phục hậu quả vụ va chạm giao thông đường bộ” có xác nhận của Công an xã P, huyện C. Theo đó, ông Kiều Công D tự quyết định và đồng ý sửa chữa, khôi phục lại hiện trạng ban đầu đối với xe ô tô tải cho ông Nguyễn T. Tuy nhiên, bà Lâm Mỹ H không đồng ý đối với nội dung thỏa thuận của “Tờ cam kết” nêu trên, do nội dung thỏa thuận không đề cập đến việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại xe ô tô tải của bà H, ghi không đúng biển số xe của bà H và bà H với ông Nguyễn T là chủ xe nhưng không tham gia thỏa thuận về vấn đề bồi thường thiệt hại của vụ tai nạn nêu trên, mà ông Kiều Công D chỉ là tài xế xe làm thuê cho vợ chồng ông S, bà H lại tự ý quyết định bồi thường, nên ông D có nghĩa vụ tự bồi thường cho ông T, còn vợ chồng bà H, ông S không đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông T.

Vì vậy, bị đơn bà Lâm Mỹ H giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu phản tố đối với ông Nguyễn T, ông Nguyễn Hữu H1, yêu cầu ông Nguyễn T, ông Nguyễn Hữu H1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại đối với số tiền sửa chữa xe ô tô biển số 83C-039.52 là 64.160.000 đồng cho bà H.

Do phía nguyên đơn ông Nguyễn T không có thiện chí hòa giải, thương lượng trong quá trình giải quyết vụ án, nên tại phiên tòa vợ chồng ông Thạch Quách S, bà Lâm Mỹ H xin thay đổi ý kiến trong quá trình hòa giải tại Tòa án, là đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại chi phí sửa xe ô tô tải biển số 61C-30071 cho ông Nguyễn T với số tiền 153.742.209 đồng với điều kiện ông Nguyễn T phải bồi thường khoản thiệt hại của xe bà H sửa chữa xe ô tô biển số 83C-039.52 là 64.160.000 đồng nêu trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu này của nguyên đơn ông Nguyễn T đối với ông S, bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện mất thu nhập hàng tháng của xe ông Nguyễn T là 25.000.000 đồng/tháng cho đến khi xét xử vụ kiện thì phía bị đơn bà Lâm Mỹ H, ông Thạch Quách S không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ phần yêu cầu của ông Nguyễn T, do theo nội dung Tờ thỏa thuận ngày 15/6/2022 không có thỏa thuận, bồi thường thiệt hại về thu nhập của xe ông T, cũng như phía nguyên đơn không chứng minh được mức thu nhập cụ thể hàng tháng của xe của ông T là bao nhiêu tiền, ông S, bà H cũng là người bị thiệt hại trong vụ tai nạn xảy ra nêu trên.

Bị đơn ông **Kiều Công D** được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo tham gia phiên họp việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông **Nguyễn Hữu H1** được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo tham gia phiên họp việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như yêu cầu phản tố của bị đơn bà **Lâm Mỹ H** đối với ông.

Tại văn bản ngày 29 tháng 5 năm 2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Công ty TNHH B1** trình bày ý kiến: **Công ty TNHH B1** sẽ thực hiện việc bồi thường về trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật và Quyết định của Tòa án. Đồng thời, xin vắng mặt tại phiên họp việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án giữa các đương sự, cũng như xin vắng mặt tại phiên tòa.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các điều 584, 585, 589, 600, 601 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 6, 12 Nghị quyết 02/2022/HĐTP –TANDTC ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn T** đối với các bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** và ông **Kiều Công D** về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc các bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** và ông **Kiều Công D** có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn ông **Nguyễn T** số tiền là 187.223.844 đồng (trong đó, thiệt hại sửa chữa xe ô tô tải 61C-300.71 là 153.742.209 đồng và số tiền bị thiệt hại do bị mất thu nhập là 33.481.635 đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T đối với các bị đơn ông Thạch Quách S, bà Lâm Mỹ H và ông Kiều Công D đối với số tiền bị thiệt hại do mất thu nhập là 291.518.365 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lâm Mỹ H đối với ông Nguyễn T và ông Nguyễn Hữu H1 về tranh chấp về bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 83C-039.52.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2023 bị đơn ông Lâm Mỹ H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 72/2023/DS-ST, ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết. Sửa Bản án Sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn và bác phần tính lãi đối với số tiền 153.742.209 đồng và tính khấu hao tài sản đối với xe ô tô tải BKS 61C-300.71 hiệu ISUZU QKR55F đời 2017.

Ngày 02/8/2023, đại diện nguyên đơn ông Dương Phần K1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 72/2023/DS-ST, ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết. Sửa Bản án Sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn T, bị đơn Lâm Mỹ H và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn T, Thạch Quách S, ông Kiều Công D, ông Nguyễn Hữu H1, người đại diện công ty TNHH B1 ông M, I – Ching vắng mặt. Xét thấy, ông Nguyễn T, bà Lâm Mỹ H

vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia tố tụng; ông M, I- Ching có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Thạch Quách S, ông Kiều Công D và Nguyễn Hữu H1 vắng mặt lần thứ hai không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu các bị đơn Thạch Quách S, Lâm Mỹ H và Kiều Công D bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn T số tiền sửa chữa xe tải mang biển kiểm soát 61C-300.71 (hiệu ISUZU QKR55F, đời năm 2017) là 153.742.209 đồng (một trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm lẻ chín đồng). Tiền mất thu nhập mỗi tháng 25.000.000 đồng kể từ ngày 15/06/2022 đến khi xét xử vụ án 18/7/2023 là 13 tháng với tổng số tiền là 325.000.000 đồng. Các bị đơn bà Lâm Mỹ H, ông Thạch Quách S đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn T tiền sửa chữa xe là 153.742.209 đồng với điều kiện ông Nguyễn T và ông Nguyễn Hữu H1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại đối với số tiền sửa chữa xe ô tô biển số 83C-039.52 là 64.160.000 đồng và không đồng ý bồi thường thiệt hại do mất thu nhập theo yêu cầu của ông Nguyễn T. Cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn Thạch Quách S, Lâm Mỹ H và Kiều Công D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho nguyên đơn Nguyễn T tiền thiệt hại sửa chữa xe ô tô tải 61C-300.71 là 153.742.209 đồng và số tiền bị thiệt hại do bị mất thu nhập là 33.481.635 đồng, tổng cộng là 187.223.844 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm do không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm nên nguyên đơn ông Nguyễn T và bị đơn bà Lâm Mỹ H kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn T do người đại diện kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải bồi thường thiệt hại do mất thu nhập mỗi tháng 25.000.000 đồng, trong vòng 13 tháng là 325.000.000 đồng. Xét thấy, vụ va chạm xe ô tô tải giữa hai bên xảy ra ngày 15/6/2022 giữa nguyên đơn do ông Nguyễn Hữu H1 làm tài xế, phía bị đơn do ông Kiều Công D là tài xế. Xét về yếu tố lỗi va chạm thuộc về phía xe ô tô tải biển kiểm soát 83C-039.52 của tài xế Kiều Công D điều khiển nên phải có nghĩa vụ bồi thường theo quy định pháp luật (BL26). Phía nguyên đơn có cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh các khoản thu nhập vận chuyển thuê hàng tháng của xe ô tô tải biển kiểm soát 61C-300.71 bình quân các tháng 03; 04; 05 năm 2022 thì sau khi trừ tất cả các khoản chi phí cho hoạt động vận chuyển thuê, thì xe ô tô tải của ông T còn lại thu nhập lợi nhuận trung bình khoảng 25.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, việc nguyên đơn ông Nguyễn T đem xe ô tô tải đến xưởng sửa xe Công ty T3 để sửa xe nhưng do phía bị đơn ông Thạch Quách S, ông Kiều Công D không bồi thường theo nội dung thỏa thuận của “Tờ cam kết ngày 15/6/2022” thì ông Nguyễn T cũng có thể tự khắc phục thiệt hại, tự yêu cầu Công ty T3 sửa xe của mình để hạn chế thiệt hại về thu nhập và sau đó khởi kiện yêu cầu phía bị đơn bồi thường theo nội dung thỏa thuận, nhưng ông không làm vậy, mà để xe tại xưởng không sửa chữa cho đến nay. Do đó, đối với khoảng thiệt hại mất thu nhập của ông Nguyễn T không phải do lỗi hoàn toàn từ phía các bị đơn không thực hiện đúng cam kết thỏa thuận bồi thường giữa hai bên, mà chỉ có một phần lỗi của các

bị đơn không thực hiện bồi thường thiệt hại nhanh chóng, kịp thời như thỏa thuận, đồng thời đối với phương tiện xe khi đưa vào hoạt động và có tác động của con người thì mới hoạt động chứ không phải tự phát sinh thu nhập. Vì vậy, đối với phần yêu cầu khởi kiện này của ông Nguyễn T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ bồi thường cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu thiệt hại do phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo Điều 357 của Bộ luật dân sự là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên kháng cáo của người đại diện của nguyên đơn là không có cơ sở Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Lâm Mỹ H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H buộc ông Nguyễn T và ông Nguyễn Hữu H1 bồi thường cho bà H tiền thiệt hại sửa chữa xe là 64.160.000 đồng. Không chấp nhận lãi suất chậm trả số tiền 153.742.209 đồng và khấu hao tài sản đối với xe mô tô BKS 61C-300.71 hiệu ISUZU QKR55F đời 2017.

[4.1] Đối với kháng cáo của bị đơn H yêu cầu chấp nhận phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn ông Nguyễn T và người liên quan Nguyễn Hữu H1 bồi thường 64.160.000 đồng. Phía nguyên đơn và ông Nguyễn Hữu H1 không đồng ý bồi thường và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 254 của Bộ luật dân sự cũng có quy định “Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác” thông qua nội dung tờ cam kết ngày 15/6/2022 (BL26) giữa ông Kiều Công D, ông Thạch Quách S với ông Nguyễn Hữu H1 tại Công an xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì tờ thỏa thuận có nội dung thỏa thuận phía bên ông Kiều Công D (tài xế) và ông Thạch Quách S (chủ phương tiện) chứng kiến đồng ý bồi thường sửa chữa phương tiện cho xe ô tô BKS 61C-300.17 như hiện trạng ban đầu và phía ông Nguyễn Hữu H1 đồng ý và thống nhất với phía bên ông Kiều Công K2 và Thạch Quách S. Ngoài ra, trong tờ cam kết không có phần nào thể hiện nội dung phía xe của ông Nguyễn T phải bồi thường cho xe của ông Thạch Quách S. Tại công văn số 01/CCAX ngày 31/1/2023 công an xã P cũng xác định việc thỏa thuận giữa hai bên có sự chứng kiến của công an xã và ký xác nhận chứng kiến như tờ cam kết. Mặc dù theo cam kết bà H không có tham gia thỏa thuận nhưng có ông T2 Quách Sang là chồng bà H tham gia. Như vậy, việc gây ra thiệt hại cho xe ô tô biển số 83C-039.52 của bà Lâm Mỹ H là do phía tài xế của bà H gây ra và giữa tài xế nguyên đơn cũng như phía bị đơn đã thống nhất thỏa thuận việc bồi thường nhưng không có thỏa thuận gì về việc bồi thường thiệt hại của xe ô tô 83C-039.52 của bà H, phía nguyên bị đơn cũng không có chứng cứ nào chứng minh phía nguyên đơn có lỗi nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Mỹ H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà H kháng cáo yêu cầu chấp nhận đơn phản tố của bà nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh là vụ va chạm xe nêu trên có lỗi của phía tài xế của ông Nguyễn T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét, chấp nhận yêu cầu của bà.

[4.2] Đối với kháng cáo của bà **Lâm Mỹ H** về việc không tính lãi đối với số tiền 153.742.209 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự có quy định “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Theo bản cam kết ngày 15/6/2022 thỏa thuận phía bị đơn bồi thường tiền sửa xe cho phía nguyên đơn như hiện trạng ban đầu nhưng không thỏa thuận về thời gian phải bồi thường, ngày 22/6/2022 thì phía **Công ty T3** báo giá nhưng phía bị đơn không đồng ý bồi thường nên xảy ra tranh chấp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 585 của Bộ luật dân sự quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại “*Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” do phía bị đơn không bồi thường cho phía nguyên đơn kịp thời dẫn đến việc xe không được sửa chữa đưa vào hoạt động làm nguyên đơn bị thiệt hại. Tuy nhiên như đã phân tích trên thì nguyên đơn cũng có phần lỗi vì tài sản thiệt hại là của nguyên đơn, nguyên đơn có thể sửa chữa tài sản để hạn chế thiệt hại nhưng nguyên đơn không thực hiện để thời gian kéo dài gây ra thiệt hại lớn nguyên đơn cũng phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do bị mất thu nhập. Do bị đơn có lỗi do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn phải bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự là có căn cứ, phù hợp với quy định cho pháp luật nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu này.

[4.3] Đối với yêu cầu khấu hao tài sản đối với xe mô tô BKS 61C-300.71 hiệu ISUZU QKR55F đời 2017. Xét thấy, như đã phân tích trên thì “*Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”. Theo biên bản thỏa thuận và bản báo giá thì tài sản bị hư hỏng không thể sửa chữa như ban đầu mà thay bằng tài sản cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật và theo bản báo giá của **Công ty T3** (BL35-37) thì chi phí sửa chữa phương tiện tổng cộng là 153.742.209 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng thống nhất giá sửa chữa này và không có yêu cầu về khấu hao tài sản nên cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của người đại diện nguyên đơn **Nguyễn T** và bị đơn **Lâm Mỹ H** là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn **Lâm Mỹ H**. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của người đại diện nguyên đơn **Nguyễn T** và bị đơn **Lâm Mỹ H** không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các điều 584, 585, 589, 600, 601, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 6, 12 Nghị quyết 02/2022/HĐTP –TANDTC ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bản án được tuyên lại như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn T** đối với các bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** và ông **Kiều Công D**.

Buộc các bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** và ông **Kiều Công D** có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn ông **Nguyễn T** số tiền là 187.223.844 đồng (Trong đó, tiền bị thiệt hại sửa chữa xe ô tô tải 61C-300.71 là 153.742.209 đồng và số tiền bị thiệt hại do bị mất thu nhập do chậm thực hiện nghĩa vụ là 33.481.635 đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn T** đối với các bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H** và ông **Kiều Công D** đối với số tiền bị thiệt hại do mất thu nhập là 291.518.365 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà **Lâm Mỹ H** đối với ông **Nguyễn T** và ông **Nguyễn Hữu H1** về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 83C-039.52.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông **Nguyễn T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 14.575.918 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000815 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng; Còn lại số tiền án phí 10.775.918 đồng nguyên đơn ông **Nguyễn T** có nghĩa vụ tiếp tục nộp.

Bị đơn ông **Thạch Quách S**, bà **Lâm Mỹ H**, ông **Kiều Công D** có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 9.361.192 đồng.

Bị đơn bà **Lâm Mỹ H** có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 3.208.000 đồng, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.604.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000910 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, còn lại số tiền án phí 1.604.000 đồng bà **Lâm Mỹ H** có nghĩa vụ tiếp tục phải nộp.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông **Nguyễn T** phải chịu là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông **T** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009630 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Sóc Trăng.

- Bị đơn bà **Lâm Mỹ H** phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà **H** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009647 ngày 18/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tôn Thị Thanh Thúy

